

THE ASSESSMENT OF KEY PEDAGOGICAL UNIVERSITIES BY USING TEACHER EDUCATION INSTITUTION DEVELOPMENT INDEX

Nguyen Danh Nam

Thai Nguyen University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 22/02/2021	The paper presents the results of the capacity assessment of eight key pedagogical universities based on the teacher education institution development index. Especially, this study focuses on analyzing the strengths and limitations of the capacity of training and retraining teachers for general education in seven areas of the indicator set. The author uses practical research methods to collect data on the training and retraining capacity of selected pedagogical universities. The data are analyzed by mathematical statistics for the purpose of assessing and comparing the competencies of pedagogical universities. Since then, the paper has proposed a number of solutions to improve the capacity of the key pedagogical universities to meet the requirements of renovating the general education curriculum and international integration. The research results show that the Vietnamese teacher education system still has many limitations and does not meet the requirements of international integration.
Revised: 06/4/2021	
Published: 12/4/2021	
KEYWORDS	
Self-assessment	
Training capacity	
Key pedagogical universities	
University accreditation	
Teacher education	
TEIDI	
ETEP	

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM CHỦ CHỐT THÔNG QUA BỘ CHỈ SỐ TEIDI

Nguyễn Danh Nam

Đại học Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 22/02/2021	Bài viết trình bày kết quả đánh giá năng lực của 8 trường sư phạm chủ chốt dựa trên bộ chỉ số phát triển trường sư phạm, trong đó tập trung vào phân tích những điểm mạnh và hạn chế về năng lực đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông của các trường sư phạm theo 7 lĩnh vực của bộ chỉ số. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu thực tiễn, thu thập số liệu về năng lực đào tạo, bồi dưỡng của các trường sư phạm được lựa chọn. Các số liệu được phân tích bằng thống kê toán học với mục đích đánh giá và đối sánh năng lực của một số trường sư phạm chủ chốt. Từ đó, bài viết đưa ra đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực cho các trường sư phạm nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông. Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ thống đào tạo giáo viên của Việt Nam còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.
Ngày hoàn thiện: 06/4/2021	
Ngày đăng: 12/4/2021	
TỪ KHÓA	
Tự đánh giá	
Năng lực đào tạo	
Trường sư phạm	
Kiểm định chất lượng giáo dục	
Đào tạo giáo viên	
Bộ chỉ số TEIDI	
Chương trình ETEP	

Email: danhnam.nguyen@tue.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Bối cảnh giáo dục đại học trên thế giới hiện nay đang chuyển từ mô hình đại học thể hệ thứ hai sang mô hình đại học thể hệ thứ ba phát triển từ mức độ khép kín đến mức độ mở và linh hoạt trong đào tạo, từ đơn ngành sang liên ngành trong nghiên cứu và đổi mới sáng tạo [1], [2]. Với mô hình này, các trường đại học sư phạm cần nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng giáo viên để đáp ứng được yêu cầu mới. Vì vậy, Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (viết tắt là Chương trình ETEP - Enhancing Teacher Education Program) của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được phê duyệt thực hiện nhằm nâng cao năng lực phát triển của các trường sư phạm chủ chốt, trong đó tập trung vào các giải pháp toàn diện như nâng cấp cơ sở vật chất hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển năng lực đội ngũ giảng viên, nâng cao chất lượng dạy và học, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, từ đó thực hiện có hiệu quả sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông [3]. Hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới có nhiều bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học nhưng chưa có bộ công cụ đánh giá năng lực dành riêng cho các trường sư phạm. Đặc biệt, trên thế giới cũng chưa có các nghiên cứu về việc đánh giá năng lực phát triển các trường sư phạm [4], [5]. Do đó, để đánh giá năng lực các trường sư phạm, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực phát triển trường sư phạm (Teacher Education Institutional Development Index, viết tắt là TEIDI) gồm 7 lĩnh vực cơ bản đó là: *tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng; chương trình đào tạo; nghiên cứu, phát triển và đổi mới; hoạt động đối ngoại; môi trường sư phạm và các nguồn lực; hỗ trợ dạy học và hỗ trợ học tập*. Dựa trên các lĩnh vực này, 8 trường sư phạm chủ chốt (được lựa chọn) của cả nước được hỗ trợ xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện để phát triển nghề nghiệp cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục một cách thường xuyên, liên tục và tại chỗ, trước hết là để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thông qua đó, xây dựng mối quan hệ giữa các trường sư phạm chủ chốt với các cơ sở giáo dục của các địa phương và góp phần thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông [5], [6]. Ngoài ra, thông qua Chương trình ETEP để xây dựng các cộng đồng học tập trong đội ngũ giáo viên và lan tỏa mô hình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng qua mạng Internet cho đội ngũ giáo viên đại trà của các cơ sở giáo dục phổ thông trong cả nước.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp và phương pháp nghiên cứu thực tiễn. Các số liệu trong bài viết được thu thập thông qua quá trình điều tra, khảo sát tại 7 trường đại học sư phạm (ĐHSP) chủ chốt trong cả nước và Học viện Quản lý giáo dục. Các cơ sở đào tạo này được Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn tham gia Chương trình ETEP với mục tiêu nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng để thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cho các địa phương trong cả nước. Số liệu thu thập được phân tích bằng thống kê toán học dựa trên báo cáo tự đánh giá TEIDI của các trường sư phạm chủ chốt năm 2017 và năm 2019. Báo cáo tự đánh giá TEIDI của các trường được kiểm đếm độc lập và được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài các số liệu được tổng hợp từ các báo cáo tự đánh giá TEIDI, phương pháp phỏng vấn chuyên gia cũng được sử dụng nhằm thu thập các ý kiến làm rõ những điểm mạnh, điểm hạn chế của các cơ sở đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục nói trên. Đặc biệt, nội dung trong các báo cáo đã có tiếp thu những góp ý thông qua hội thảo xin ý kiến của các bên liên quan. Kết quả phân tích số liệu thu thập được làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp phát triển năng lực của các trường ĐHSP chủ chốt ở nước ta.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả đánh giá năng lực phát triển các trường sư phạm

Bộ chỉ số TEIDI được xây dựng trên cơ sở kế thừa những tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số từ các công cụ kiểm định cơ sở giáo dục trên thế giới, trong đó tập trung vào các chỉ số đặc thù cho lĩnh

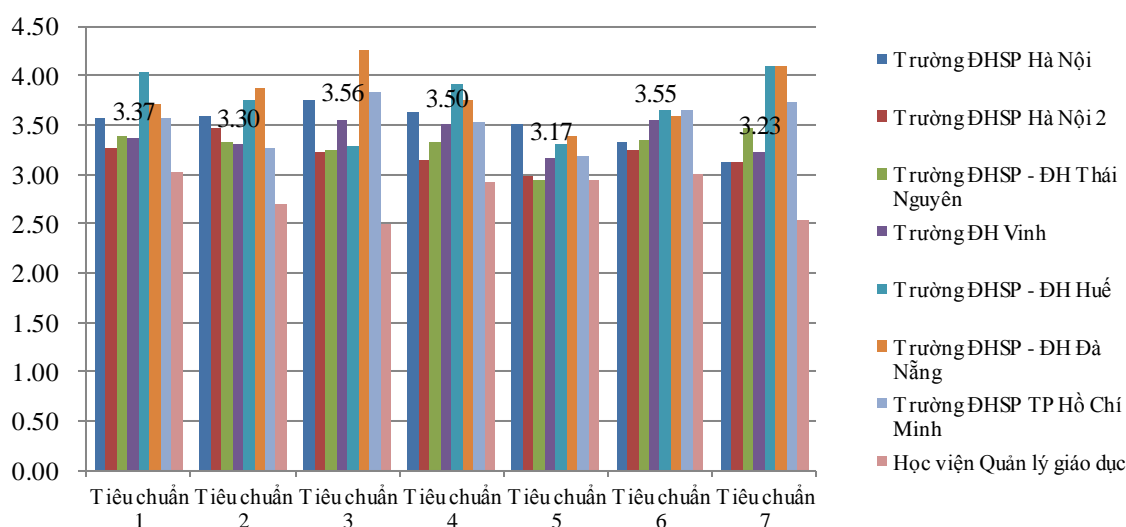
vực đào tạo giáo viên [6], [7]. Do đó, bộ chỉ số này thể hiện được rõ hai yếu tố cơ bản: (i) đánh giá những lĩnh vực đặc thù đối với các cơ sở đào tạo giáo viên; và (ii) đánh giá chỉ số “phát triển”. Các trường sư phạm chủ chốt sử dụng bộ chỉ số này để tự đánh giá hàng năm, xác định những điểm mạnh, tìm ra những hạn chế và nguyên nhân, từ đó xây dựng chiến lược phát triển phù hợp. Các chỉ số, tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn trong bộ chỉ số được đánh giá kết hợp giữa định tính và định lượng theo thang điểm 7 mức, tương ứng với 7 mức độ về năng lực. Đánh giá định tính được áp dụng theo chu trình PDCA (Plan - Do - Check - Act) phản ánh quá trình quản lý chất lượng thực sự được cải thiện một cách liên tục. Việc đánh giá từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn sử dụng thang 7 mức điểm, trong đó: Mức 1 (Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu); Mức 2 (Không đáp ứng yêu cầu); Mức 3 (Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu); Mức 4 (Đáp ứng yêu cầu); Mức 5 (Đáp ứng tốt hơn yêu cầu); Mức 6 (Đáp ứng rất tốt yêu cầu); và Mức 7 (Đáp ứng xuất sắc yêu cầu) [5]. Theo cam kết đối với Chương trình ETEP thì đến năm 2022 sẽ có một số trường sư phạm chủ chốt đạt được điểm trung bình từ mức 5 trở lên, tương đương trình độ của một số trường đại học trong khu vực.

Để xác định điểm cơ sở cho thời điểm bắt đầu tham gia Chương trình ETEP, 8 trường sư phạm chủ chốt đã được lựa chọn và tự đánh giá theo bộ chỉ số TEIDI. Kết quả tự đánh giá của các trường sư phạm được cho trong bảng 1.

Bảng 1. Kết quả tự đánh giá theo bộ chỉ số TEIDI của 8 trường sư phạm chủ chốt tham gia Chương trình ETEP năm 2017

TT	Tiêu chuẩn	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP TP. HCM	ĐHSP Thái Nguyên	ĐHSP Hà Nội 2	ĐH Vinh	ĐH Huế	ĐH Đà Nẵng	Học viện Quản lý giáo dục
1	Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng	3,57	3,58	3,39	3,27	3,77	4,03	3,71	3,03
2	Chương trình đào tạo	3,60	3,27	3,33	3,47	3,30	3,75	3,88	2,70
3	Nghiên cứu, phát triển và đổi mới	3,75	3,84	3,25	3,22	3,56	3,28	4,25	2,50
4	Hoạt động đối ngoại	3,63	3,53	3,33	3,15	3,50	3,92	3,75	2,93
5	Môi trường sư phạm và các nguồn lực	3,50	3,18	2,94	2,98	3,17	3,31	3,38	2,95
6	Hỗ trợ dạy học	3,32	3,65	3,35	3,25	3,55	3,65	3,60	3,00
7	Hỗ trợ học tập	3,13	3,73	3,47	3,13	3,23	4,10	4,10	2,53
	Điểm trung bình	3,50	3,54	3,29	3,21	3,44	3,72	3,81	2,81

(Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017)



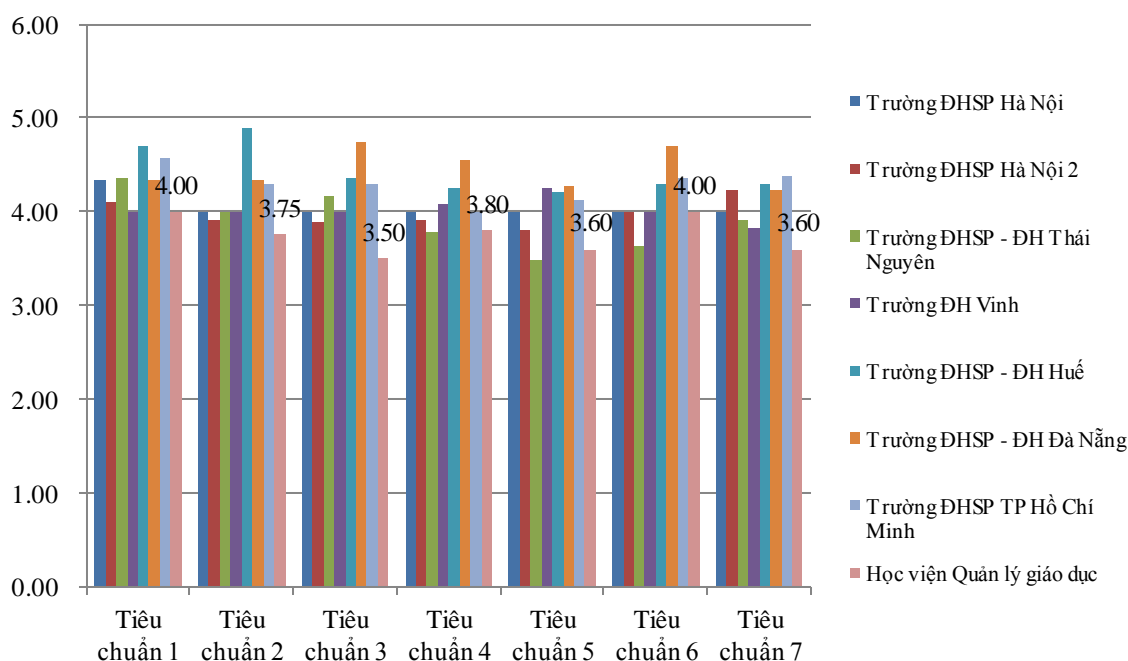
Hình 1. Biểu đồ điểm cơ sở TEIDI của các trường sư phạm chủ chốt năm 2017

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy 100% các trường sư phạm chủ chốt đều có điểm số trung bình của 7 lĩnh vực đều dưới 4,0, trong đó có một số lĩnh vực có điểm trung bình dưới 3,0 như chương trình đào tạo, nghiên cứu phát triển và đổi mới, hoạt động đối ngoại. Đây là những lĩnh vực rất quan trọng của các trường đại học. Đặc biệt, các lĩnh vực của Học viện Quản lý giáo dục đều có điểm trung bình không cao hơn 3,0. Điều này cho thấy các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục của Việt Nam cần được đầu tư trọng điểm để nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay [8], [9]. Sau hai năm thực hiện các giải pháp phát triển năng lực với sự hỗ trợ của Chương trình ETEP, các trường sư phạm chủ chốt đã tiến hành tự đánh giá năng lực theo bộ chỉ số TEIDI. Kết quả tự đánh giá này đã được thẩm định bởi hội đồng đánh giá đồng cấp của các trường sư phạm. Sau đó, các chuyên gia kiểm đếm độc lập đã xác nhận kết quả này và báo cáo tự đánh giá đã được chỉnh sửa, công khai kết quả trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo hằng năm. Bảng 2 cho thấy điểm đạt được của các trường sư phạm chủ chốt trên các lĩnh vực của bộ chỉ số.

Bảng 2. Kết quả tự đánh giá theo bộ chỉ số TEIDI của 8 trường sư phạm chủ chốt tham gia Chương trình ETEP năm 2019

TT	Tiêu chuẩn	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP TP. HCM	ĐHSP Thái Nguyên	ĐHSP Hà Nội 2	ĐH Vinh	ĐH Huế	ĐH Đà Nẵng	Học viện Quản lý giáo dục
1	Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng	4,33	4,57	4,36	4,11	4,00	4,70	4,34	4,00
2	Chương trình đào tạo	4,00	4,30	4,00	3,92	4,00	4,90	4,33	3,75
3	Nghiên cứu, phát triển và đổi mới	4,00	4,30	4,17	3,88	4,00	4,35	4,75	3,50
4	Hoạt động đối ngoại	4,00	4,00	3,79	3,92	4,08	4,25	4,55	3,80
5	Môi trường sư phạm và các nguồn lực	4,00	4,13	3,48	3,81	4,25	4,20	4,27	3,60
6	Hỗ trợ dạy học	4,00	4,35	3,63	4,00	4,00	4,30	4,71	4,00
7	Hỗ trợ học tập	4,00	4,37	3,90	4,23	3,83	4,30	4,22	3,60
	Điểm trung bình	4,05	4,29	3,90	3,98	4,02	4,43	4,35	3,75

(Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019)



Hình 2. Biểu đồ điểm TEIDI của các trường sư phạm chủ chốt năm 2019

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy có 5/8 trường sư phạm chủ chốt (chiếm 62,5%) đạt được điểm trung bình của 7 lĩnh vực trên 4,0 sau hai năm thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực, trong đó trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế và trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đã có sự phát triển đáng kể về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, chương trình đào tạo và điều kiện hỗ trợ dạy học. Điểm số TEIDI đạt được năm 2019 cũng cho thấy 100% các trường sư phạm chủ chốt đã đạt điểm số theo cam kết với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trình độ của đội ngũ giảng viên và năng lực đào tạo của các trường được nâng cao với tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên của các trường đều đạt từ 30% trở lên, trong đó nếu tính riêng đội ngũ giảng viên của hệ đào tạo giáo viên (không tính giảng viên của các ngành đào tạo ngoài sư phạm) thì tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ của nhiều trường đạt trên 50% như trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế và trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Bảng 3 mô tả số liệu về năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên của các trường sư phạm chủ chốt.

Bảng 3. Năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên của các trường sư phạm chủ chốt

TT	Trường ĐHSP chủ chốt	GS, PGS	TS, TSKH	Thạc sĩ	Khác	Trình độ TS trở lên (%)
1	Trường ĐHSP Hà Nội	175	272	495	201	447 (39,1%)
2	Trường ĐHSP Hà Nội 2	18	109	270	133	127 (24,0%)
3	Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên	40	165	155	125	205 (42,3%)
4	Trường Đại học Vinh	63	256	504	223	319 (30,5%)
5	Trường ĐHSP - Đại học Huế	50	82	97	6	132 (56,2%)
6	Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng	15	96	160	54	111 (34,2%)
7	Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	32	142	280	42	174 (35,1%)
8	Học viện Quản lý giáo dục	17	29	60	1	46 (43,0%)
	Tổng số	410	1151	2021	785	1561 (35,7%)

(Nguồn: Báo cáo TEIDI của các trường sư phạm, 2019)

Với đội ngũ giảng viên có trình độ cao chiếm đa số, các trường sư phạm chủ chốt có quy mô đào tạo đại học và sau đại học có thể đáp ứng được nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục chất lượng cao cho cả nước. Đặc biệt, với tổng số 648 giảng viên sư phạm chủ chốt (GVSPCC) và 100 giảng viên quản lý giáo dục chủ chốt (GVQLGDCC), các trường sư phạm chủ chốt có thể thực hiện được nhiệm vụ bồi dưỡng 28.000 giáo viên phổ thông cốt cán và 4.000 cán bộ quản lý giáo dục phổ thông cốt cán của 63 tỉnh/thành trong cả nước. Kết quả bồi dưỡng nội dung thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho thấy đội ngũ giảng viên chủ chốt của 8 trường được giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông đánh giá cao với trên 80% học viên có phản hồi tích cực, hình thành cộng đồng học tập hỗ trợ phát triển nghề nghiệp tại các trường phổ thông.

Bảng 4. Số lượng GVSPCC và GVQLGDCC của các trường sư phạm

TT	Trường ĐHSP chủ chốt	Số lượng GVSPCC	Số lượng GVQLGDCC
1	Trường ĐHSP Hà Nội	114	15
2	Trường ĐHSP Hà Nội 2	82	5
3	Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên	97	12
4	Trường Đại học Vinh	85	6
5	Trường ĐHSP - Đại học Huế	98	11
6	Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng	70	8
7	Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	102	11
8	Học viện Quản lý giáo dục	0	32
	Tổng số	648	100

Bảng 5 cho thấy một số trường sư phạm chủ chốt có số lượng chương trình đào tạo sau đại học chiếm tỷ lệ cao trong tổng số chương trình đào tạo của nhà trường, ví dụ trường Đại học Sư phạm Hà Nội (chiếm 68,5%), trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (chiếm 58%), trường Đại học Vinh (chiếm 75,4%), trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế (chiếm 69,6%),...

Hầu hết các trường sư phạm chủ chốt đều có các chương trình đào tạo chất lượng cao hoặc chương trình đào tạo giáo viên giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh. Sinh viên tốt nghiệp các chương trình đào tạo này đã đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng giáo viên của các trường quốc tế và trường phổ thông chất lượng cao tại nhiều thành phố lớn trong cả nước.

Bảng 5. Số lượng chuyên ngành đào tạo của các trường sư phạm chủ chốt

TT	Trường ĐHSP chủ chốt	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
1	Trường ĐHSP Hà Nội	43	55	45
2	Trường ĐHSP Hà Nội 2	5	17	21
3	Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên	13	23	26
4	Trường Đại học Vinh	15	28	14
5	Trường ĐHSP - Đại học Huế	12	27	17
6	Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng	6	17	17
7	Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	10	26	36
8	Học viện Quản lý giáo dục	1	3	5
Tổng số		105	196	181

Như vậy, có thể nói qua hai năm thực hiện các giải pháp tăng cường năng lực, các trường sư phạm chủ chốt đã có sự nâng điểm TEIDI một cách đáng kể. Năm 2019, tất cả các lĩnh vực của các trường sư phạm đều đạt trên 3,0 điểm, có một số lĩnh vực đã đạt xấp xỉ 5,0 điểm. Điều này khẳng định chiến lược phát triển của các trường đạt được hiệu quả bước đầu, đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý trong bối cảnh hiện nay.

3.2. Những điểm mạnh và hạn chế

Qua phân tích báo cáo tự đánh giá của các trường, phân tích các ý kiến góp ý của các bên liên quan tại hội thảo tham vấn được tổ chức tại các trường sư phạm và phỏng vấn các chuyên gia giáo dục trong cả nước, bài báo đưa ra một số nhận định về điểm mạnh và hạn chế của các trường sư phạm chủ chốt theo 7 lĩnh vực của bộ chỉ số TEIDI, từ đó đề xuất một số giải pháp tiếp tục nâng cao năng lực cho các trường sư phạm chủ chốt.

Về tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng: Các trường sư phạm đều có kế hoạch và tổ chức xây dựng, công bố sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường với sự tham gia các bên liên quan. Các trường đã quan tâm phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao và thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục (đảm bảo bên trong và bên ngoài). Thông tin phản hồi về chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng cũng được các trường triển khai thu thập định kỳ. Hệ thống thông tin quản lý có tính tích hợp cao nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định của lãnh đạo nhà trường. Ngoài ra, tất cả các trường đều đạt chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó tính đến tháng 1/2021 đã có 34 chương trình đào tạo giáo viên đã đạt chuẩn kiểm định trong và ngoài nước.

Về chương trình đào tạo: Các trường đã có cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông giữa các bậc học, các phương thức đào tạo và giữa các trường đại học sư phạm trong cả nước. Chương trình đào tạo giáo viên đều được tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới.

Về nghiên cứu, phát triển và đổi mới: Các trường đều xây dựng kế hoạch nghiên cứu cho từng năm, từng giai đoạn, khai thác tối đa tiềm lực khoa học, hợp tác nghiên cứu khoa học, đặc biệt là khoa học giáo dục với các trường đại học, viện nghiên cứu ở trong và ngoài nước. Đa số các trường đều có các nhóm nghiên cứu mạnh hoặc nhóm nghiên cứu chuyên sâu góp phần thực hiện đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo ở trường đại học và trường phổ thông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Giảng viên của các trường sư phạm có công bố quốc tế tăng dần trong mấy năm gần đây, đặc biệt chỉ tính riêng năm 2020, trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã có 155 bài báo quốc tế trên các tạp chí thuộc danh mục ISI. Các trường đã có ký kết nhiều biên bản hợp tác với các địa phương trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Về hoạt động đối ngoại: Các trường có mối quan hệ hợp tác với một số địa phương, các tổ chức, các cơ sở giáo dục và đào tạo trong và ngoài nước, trong đó có một số trường đã phối hợp với các địa phương để tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông, ví dụ trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Các trường đã ký kết văn bản hợp tác với nhiều đối tác quốc tế trong hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi giảng viên, trao đổi sinh viên, tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế. Một số trường sư phạm đã mời nhiều chuyên gia quốc tế đến giảng dạy, trao đổi học thuật và nghiên cứu khoa học.

Về môi trường sư phạm và các nguồn lực: Cơ sở vật chất của một số trường được trang bị hiện đại với nguồn lực tài chính được huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả. Cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin của một số trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên theo hình thức trực tuyến như trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, trường Đại học Vinh,... Một số trường sư phạm có hệ thống thư viện điện tử với trang thiết bị hiện đại và nguồn học liệu phong phú đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Về hỗ trợ dạy học: Các trường có kế hoạch hỗ trợ dạy học cho giảng viên, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ GVSPCC và GVQLGDCC thông qua các chương trình bồi dưỡng giảng viên ở trong và ngoài nước. Nhiều trường đã xây dựng chính sách hỗ trợ và cử giảng viên đi nghiên cứu thực tế ở các trường phổ thông để nâng cao hiểu biết về giáo dục phổ thông, hỗ trợ giáo viên phổ thông, hình thành cộng đồng học tập dành cho đội ngũ giáo viên tại các địa phương.

Về hỗ trợ học tập: Các trường có kế hoạch hỗ trợ học tập đa dạng, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý người học, trong đó có nhiều chương trình tập huấn nâng cao kỹ năng dạy học, kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo cho các đối tượng là sinh viên người dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Hệ thống ban liên lạc cựu sinh viên được xây dựng, kết nối và hỗ trợ sinh viên sau tốt nghiệp. Các trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các cựu sinh viên và người học để đổi mới chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

Tuy nhiên, qua phân tích báo cáo tự đánh giá của các trường (được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo) cho thấy một số trường sư phạm còn có hạn chế về các lĩnh vực như: xây dựng kế hoạch chiến lược, hợp tác vùng/địa phương, hợp tác quốc tế, thông tin và truyền thông, xây dựng môi trường sư phạm và phát triển các nguồn lực. Đặc biệt, qua phỏng vấn các chuyên gia giáo dục cho thấy sự tham gia của các nhà tuyển dụng lao động trong việc xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo của các trường còn hạn chế; công tác lấy ý kiến các bên liên quan về cấu trúc, mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo thực hiện chưa hiệu quả; tỷ lệ các chương trình được kiểm định còn thấp, đặc biệt là các chương trình đào tạo hệ đào tạo không chính quy, hệ sau đại học; hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường còn hạn chế; nội dung các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục chưa được các địa phương đánh giá cao về tính đa dạng và tính phù hợp với thực tế; thiếu các chương trình đào tạo liên kết quốc tế; công bố quốc tế của các nhóm nghiên cứu hạn chế, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học giáo dục; chưa có chính sách cụ thể gắn nghiên cứu khoa học với nhu cầu của địa phương; nguồn kinh phí dành cho hoạt động khoa học công nghệ hằng năm còn ít, chưa tương xứng với năng lực đội ngũ giảng viên có trình độ cao của các trường; hoạt động hợp tác, chia sẻ trong mạng lưới các trường sư phạm và mạng lưới các trường đại học trong khu vực còn ít và hiệu quả thấp; chưa có hệ thống hỗ trợ đối với đội ngũ giảng viên tập sự và giảng viên mới tuyển dụng; hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo và sau khi tốt nghiệp chưa đạt hiệu quả.

Như vậy, để khắc phục các hạn chế trên, các trường sư phạm cần xác định rõ mức nâng điểm TEIDI hằng năm, từ đó xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng lĩnh vực cần cải thiện. Dựa trên kết quả tự đánh giá năm 2019, các trường sư phạm cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau đây: (i) tăng cường công tác rà soát, đánh giá, ban hành mới các văn bản quản lý và các văn bản

ký kết với các trường đại học, viện nghiên cứu ở trong và ngoài nước; (ii) đẩy mạnh kiểm định chương trình đào tạo và xây dựng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế (iii) xây dựng chính sách hỗ trợ giảng viên trong nghiên cứu và công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín; (iv) xây dựng và triển khai kết nối trực tuyến các hoạt động giảng dạy ở phổ thông với hoạt động giảng dạy ở trường sư phạm; (v) xây dựng bộ công cụ và triển khai đánh giá giảng viên tham gia giảng dạy chương trình bồi dưỡng thường xuyên; (vi) phát triển các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học gặp khó khăn trong học tập, người dân tộc thiểu số và người nước ngoài; (vii) phát triển cộng đồng học tập dành cho giáo viên phổ thông nhằm hỗ trợ phát triển nghề nghiệp một cách thường xuyên, liên tục và tại chỗ; (viii) triển khai phần mềm kết nối trực tuyến với cựu sinh viên và người sử dụng lao động.

4. Kết luận

Với sự hỗ trợ của Chương trình ETEP, các trường sư phạm chủ chốt được nâng cao năng lực để thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Kết quả đánh giá dựa trên bộ chỉ số TEIDI giúp các trường sư phạm nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và điểm tồn tại trong từng lĩnh vực theo các tiêu chí cụ thể, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch chiến lược và kế hoạch hoạt động, tiếp tục phát huy những mặt mạnh, khắc phục và cải tiến những điểm còn tồn tại nhằm nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt, đánh giá theo bộ chỉ số TEIDI giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận thấy được vị trí, vai trò của từng trường sư phạm chủ chốt trong hệ thống, từ đó xây dựng phương án tái cấu trúc Chương trình ETEP, làm cơ sở cho việc quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm, trong đó có việc hình thành một số trường sư phạm trọng điểm quốc gia, đồng thời định hướng tái cấu trúc các trường sư phạm trong hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và từng bước hội nhập quốc tế trong lĩnh vực đào tạo giáo viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] H. D. Nguyen, "The third generation university in the context of the fourth industrial revolution," (in Vietnamese), *VNU Journal of Science: Educational Research*, vol. 36, no. 1, pp. 1-15, 2020.
- [2] T. L. Ngo, "Trends of change in and the future of higher education," (in Vietnamese), *VNU Journal of Science: Educational Research*, vol. 35, no. 1, pp. 11-18, 2019.
- [3] Ministry of Education and Training, "Report on self-assessment of leading teacher training universities with teacher education institutional development index," (in Vietnamese), *Enhancing Teacher Education Program*, 2019.
- [4] T. T. H. Pham, T. H. G. Nguyen, T. M. A. Vu, and N. Q. Hoang, "Higher education governance - international experience and lessons for Vietnam," (in Vietnamese), *VNU Journal of Science: Educational Research*, vol. 35, no. 3, pp. 32-45, 2019.
- [5] D. N. Nguyen, "Research on designing teacher education institutional development index," (in Vietnamese), *Journal of Education and Society*, vol. 82, no. 143, pp. 16-22, 2018.
- [6] P. N. Nguyen, "Discuss the criteria for evaluating the quality of higher education," (in Vietnamese), *VNU Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, vol. 27, pp. 59-65, 2011.
- [7] U. V. Dang and T. T. H. Ta, "Higher Education Accreditation and University Autonomy," (in Vietnamese), *VNU Journal of Science: Educational Research*, vol. 35, no. 1, pp. 84-95, 2019.
- [8] H. G. Nguyen and H. S. Nguyen, "Quality assurance procedure for training programs of Hue University in accordance with AUN-QA," (in Vietnamese), *VNU Journal of Science: Educational Research*, vol. 33, no. 1, pp. 47-57, 2017.
- [9] H. Q. Pham and D. N. Nguyen, "Solutions for restructuring the teacher education system in Vietnam," *Vietnam Journal of Education*, vol. 4, no. 1, pp. 9-13, 2020.